

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Thanh Phong.

Ông Hứa Trọng Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Mai Mỹ L**, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Ông **Sơn Mỹ H**, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Mỹ L và ông Sơn Mỹ H có tổ chức tiệc cưới vào năm 1999 và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 01-8-2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, do bất đồng quan điểm sống cả hai bên không có tiếng nói chung, đời sống chung không còn hạnh phúc, sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không ai biết, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi được gì, nên bà L muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

- Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là chị Sơn Thị Diễm M, sinh ngày 11-10-2000 và anh Sơn Chí D, sinh ngày 13-02-2007. Hiện tại hai con đang sống chung với bà L.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

*** Nay bà Mai Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Mỹ L yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Mỹ H.

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là tên Sơn Chí D, sinh ngày 13-02-2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Sơn Thị Diễm M, sinh ngày 11-10-2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn ông Sơn Mỹ H, ông H là người trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng ông H vẫn không có văn bản trình bày kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Mỹ L.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M1 Mỹ Lệ được ly hôn với ông Sơn Mỹ H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con tên Sơn Chí D cho bà M1 Mỹ Lệ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với Tờ nguyện vọng của anh D là được chung sống với mẹ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Mỹ L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Sơn Mỹ H. Bị đơn ông Sơn Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Sơn Mỹ H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mai Mỹ L và ông Sơn Mỹ H tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị bà L và ông H đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01-8-2018, do vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Bà Mai Mỹ L và ông Sơn Mỹ H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn giữa ông bà không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Mai Mỹ L được ly hôn với ông Sơn Mỹ H để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông H có hai người con chung là chị Sơn Thị Diễm M, sinh ngày 11-10-2000 và anh Sơn Chí D, sinh ngày 13-02-2007. Hiện tại chị Diễm M đã trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng, còn anh Sơn Chí D thì đang sống chung với bà L. Xét thấy, đối với chị Diễm M đã trưởng thành bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với anh Sơn Chí D từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì anh D sống chung với bà L, anh D cũng có Tờ nguyện vọng được sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao anh Sơn Chí D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Sơn M2 H1 không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Mai Mỹ L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều

147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Sơn Mỹ H không phải chịu án phí.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Mỹ L được ly hôn với ông Sơn Mỹ H.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Sơn Chí D, sinh ngày 163-02-2007 cho bà M1 Mỹ Lệ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Sơn Mỹ H, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Mỹ L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010825 ngày 02-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6/ Bà Mai Mỹ L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Sơn Mỹ H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú,
tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn